

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ

Công trình: Khắc phục hậu quả thiên tai Cống thoát nước tại tuyến đường UBND xã Ba Giang đi tổ Gò Lút, Gò Xuyên thuộc thôn Ba Nhà

Địa điểm: Xã Ba Đình - tỉnh Quảng Ngãi

STT	DỰ ÁN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Kinh phí định giá đất				93.597.172	
1,1	Kinh phí định giá đất	Gói	1	86.664.048	86.664.048	Chi tiết tại phần A phụ lục
1,2	Thuế VAT (1.1*8%)	%	8%	86.664.048	6.933.124	
2	Kinh phí kiểm tra nghiệm thu				3.428.031	
2,1	Kinh phí kiểm tra nghiệm thu	Gói	1	3.174.103	3.174.103	Chi tiết tại phần B phụ lục
2,2	Thuế VAT (2.1*8%)	%	8%	3.174.103	253.928	
3	Tổng cộng				97.025.203	
	Làm tròn				97.025.000	

(Bằng chữ: Chín mươi Bảy triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng)

PHỤ LỤC
Chi phí định giá đất Công trình: Khắc phục hậu quả thiên tai Công thoát nước
tại tuyến đường UBND xã Ba Giang đi tổ Gò Lút,
Cà Xuyên thuộc thôn Ba Nhà
Địa điểm: Xã Ba Đình - huyện Ba Tơ - tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Cách tính	Đất nông nghiệp (theo Quyết định số 768/2025/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)	Đất nông nghiệp (dự án)
A	Chi phí định giá đất		36.081.721	86.664.048
I	Chi phí trực tiếp	A1 = a + b + c + d + e	31.060.385	74.519.509
1	Công tác chuẩn bị	a = a1 + a2	2.276.105	2.276.105
	-Nội nghiệp	a1	2.276.105	2.276.105
	-Ngoại nghiệp	a2	-	0
2	Điều tra, tổng hợp, phân tích thông tin về thửa đất, giá đất thị trường	b = b1 + b2	14.478.933	38.631.907
	-Nội nghiệp	b1	7.233.358	19.299.655
	-Ngoại nghiệp	b2	7.245.575	19.332.252
3	Áp dụng phương pháp định giá đất và xây dựng phương án giá đất	c = c1 + c2	11.573.417	30.879.566
	-Nội nghiệp	c1	11.573.417	30.879.566
	-Ngoại nghiệp	c2	-	0
4	Hoàn thiện dự thảo phương án giá đất	d = d1 + d2	2.170.030	2.170.030
	-Nội nghiệp	d1	2.170.030	2.170.030
	-Ngoại nghiệp	d2	-	0
5	In, sao, lưu trữ, phát hành phương án giá đất	e = e1 + e2	561.901	561.901
	-Nội nghiệp	e1	561.901	561.901
	-Ngoại nghiệp	e2	-	0
II	Chi phí chung	A2 =A2.1 + A2.2	5.021.336	12.144.539
	-Nội nghiệp (15%)	A2.1 = 15%(a1+b1+c1+d1+e1)	3.572.221	8.278.089

	-Ngoại nghiệp (20%)	$A2.2 = 20\%(a2+b2+c2+d2)$	1.449.115	3.866.450
B	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu	B = B1 + B2	1.314.871	3.174.103
	-Nội nghiệp (4%)	$B1 = 4\%(a1+b1+c1+d1+e1)$	952.592	2.207.490
	-Ngoại nghiệp (5%)	$B2 = 5\%(a2+b2+c2+d2+e2)$	362.279	966.613